

KHÁNG LAM PHÁT BẰNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ?

KS. TẠ THỊ XUÂN

Có nhiều ý kiến cho rằng: phương cách chống lạm phát triệt để, căn bản nhất là phát triển kinh tế. Bởi sản xuất mới là cái nền của tài chính - tiền tệ. Sản xuất là đất mẹ sản sinh ra cây tài chính - tiền tệ. Lý thuyết thì như vậy, nhưng kinh nghiệm thực tiễn chống lạm phát bấy lâu nay lại cho thấy điều ngược lại, rằng: khó có thể chống lạm phát bằng phát triển kinh tế, mà chỉ có thể phát triển kinh tế khi đã chống được lạm phát siêu tốc.

Vì sao phải thực hiện quy trình ngược như vậy?

1. Nền kinh tế phát triển, khi mà nó phải là nền kinh tế hàng hóa. Mà đã là nền kinh tế hàng hóa, thì ắt phải tiềm ẩn khả năng lạm phát: sự được giá và mất giá. Vốn là căn bệnh của nền kinh tế hàng hóa và của mọi hàng hóa, lạm phát là nơi lắng tụ mọi vấn đề của nền kinh tế thị trường. Thật vậy:

+ Nền kinh tế càng phát triển khi càng phát triển thị trường - hàng hóa. Đồng thời nó càng thúc đẩy sự cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

+ Càng cạnh tranh gay gắt bao nhiêu, nền kinh tế thị trường càng phát triển bấy nhiêu.

+ Năng suất lao động càng gia tăng khiến cho hàng hóa ngày càng rẻ đi. Lượng vàng định vị trên 1 đơn vị hàng hóa càng gia giảm. Mà giá rẻ lại là một lợi thế cạnh tranh hàng đầu.

+ Sự gia giảm giá hàng hóa tất phải kéo theo sự sụt giá bản tệ so với vàng (xem sơ đồ 2).

Vòng luân hoàn này đã được quy luật cung - cầu tiền định như vậy. Quan trọng hơn, đã cho thấy rằng:

a. Phát triển và lạm phát luôn "song hành" trong nền kinh tế hàng hóa. Nền kinh tế hàng hóa càng phát triển càng lắng tụ khả năng lạm phát, chứ không phải tiêu diệt lạm phát như vẫn tưởng.

b. Lạm phát và cạnh tranh là hai mặt tồn tại song song của nền kinh tế hàng hóa phát triển. Phát triển mang trong mình lạm phát, và lạm phát mang trong mình sự phát triển là như vậy. Ở đây chỉ bàn đến tốc độ lạm phát nhẹ, bằng và thấp hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

c. Lạm phát - sự sụt giá thuộc

34 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

LTS. Chống lạm phát, từ lâu là một vấn đề lớn không những của nhiều nước trên thế giới mà còn là vấn đề khó và cấp bách của nước ta hiện nay, thực sự đã và đang thu hút tâm trí của nhiều nhà khoa học. Bài viết của tác giả Tạ Thị Xuân nằm trong nỗ lực này, mà cũng như chính tác giả thừa nhận, đây là giải pháp theo quy trình ngược.

Với chân ý là trân trọng một ý kiến khoa học, Tạp chí xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo.

phạm trù của nền kinh tế hàng hóa phát triển. Nền kinh tế hàng hóa phát triển tất phải dẫn đến sự giảm giá (lạm phát). Đó là quy luật. Nền kinh tế hàng hóa phát triển phải đối diện với sự sụt giá - lạm phát, chứ không phải loại trừ lạm phát.

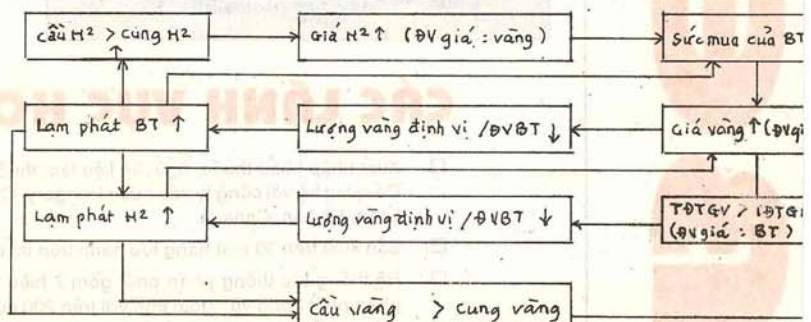
Làm sao có thể loại trừ cái bản ngã của vấn đề. Và làm sao có thể loại trừ bằng giải pháp không có tính loại trừ, khi mà lạm phát vốn là bản ngã của nền kinh tế hàng hóa phát triển.

Như vậy loại trừ không phải là tiêu chí nữa, mà điều chỉnh tốc độ lạm phát mới là điều đáng phải bàn. Đó là làm sao cho tốc độ lạm phát không quá tốc độ tăng trưởng kinh tế.

2. Tốc độ phát triển kinh tế cao nhất cũng chỉ đạt 12% năm. So với tốc độ lạm phát thì không thấm thía vào đâu. Đó là cuộc chạy đua giữa rùa và ô tô. Cho nên tốc độ phát triển kinh tế không thể phủ quyết được tốc độ siêu lạm phát.

3. Vai trò đất mẹ của sản xuất là điều vinh cửu tất yếu. Điều này không có gì phải bàn cãi. Nhưng vai trò của

Sơ đồ 1 : Mối quan hệ cung - cầu với LPBT



H2: Hàng hóa, BT: Bản tệ, ĐVBT: Đơn vị bản tệ, ĐV: Đơn vị, TDTGV: Tốc độ tăng giá và TDTGH: Tốc độ tăng giá H², ↑: Chỉ sự gia tăng, ↓: Chỉ sự gia giảm.

tiền tệ đối với sản xuất là điều cần phải bàn luận thêm.

Là hàng hóa chung của mọi hàng hóa, bản tệ có tính điều khiển vĩ mô.

Mọi hàng hóa có tính phụ thuộc vào vàng - bản tệ, bởi đều phải thông qua vàng - bản tệ để được giá trị và thị trường hóa.

Bản tệ ra đời, bởi hàng hóa vàng yêu cầu. Hàng hóa và vàng khi thủy sự ra đời của bản tệ. Đến lúc mình, bản tệ thúc đẩy sự phát triển hàng hóa.

Trong nền kinh tế hàng hóa, sản xuất muốn tồn tại và phát triển, sản phẩm của nó phải được thị trường chấp nhận và tiêu thụ. Nghĩa là thị trường có sức mua sản phẩm đó.

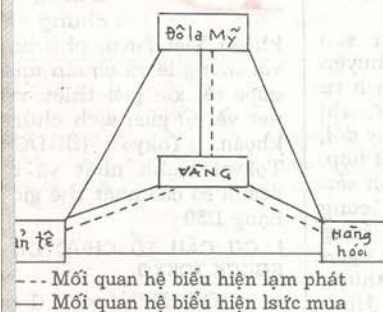
Như vậy sức mua của thị trường mới là điều tiên quyết cho cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế hàng hóa. Bởi đã nền kinh tế hàng hóa, thì khởi đầu phải là thị trường. Đó là lẽ đương nhiên. Mà đại biểu giá trị cho sức mua của thị trường lại là đồng tiền. Đồng tiền là nơi cất giấu sức mua, khi sức mua của bản tệ yếu kém, cũng có nghĩa sức mua của thị trường tồi. Và thị trường đã không mang tải nổi các hàng hóa đó. Liệu sản xuất có thể tồn tại phát triển, khi mà thị trường có sức mua yếu kém?

Thị trường là đầu tiên và cùng cho một nền sản xuất muốn tồn tại và phát triển. Nhưng điểm tựa của thị trường là bản tệ và bản tệ đại diện cho thị trường. Vì lẽ đó mà bản tệ phát triển thì thị trường mới phát triển. Thị trường phát triển mới tạo tiền đề để bản tệ và cuối cùng cho sản xuất phát triển.

Đây chính là lý do khiến cho một nước nào chống được lạm phát bằng sự phát triển kinh tế trước tiên và trên hết. Mà phải ngược lại, chỉ chống lạm phát trước, thì mới tạo tiền đề cho sản xuất phát triển. Phải khôi phục và tạo sức mua của thị trường trước, bởi có thị trường thì sản xuất mới tồn tại và phát triển. Thị trường nuôi dưỡng và thúc đẩy sản xuất. E

hình là đặc điểm khác biệt của nền kinh tế hàng hóa phát triển so với nền kinh tế tự cung - tự cấp.

ơ đồ 2: Mối quan hệ lạm phát và sức mua



"Đồng tiền đi trước đồng tiền hôn" bao hàm tính khởi thủy của việc ếp thị và tìm thị trường. Như vậy phải ưu tiên khôi phục sức mua của bản tệ

trước khi khôi phục sản xuất. Vốn là hàng hóa của mọi hàng hóa, bản tệ được khôi phục sức mua còn có nghĩa sức mua của thị trường được gia tăng. Mà sức mua của thị trường là tiền đề đầu tiên để sản xuất tồn tại và phát triển.

Trong nền kinh tế hàng hóa, để tồn tại và phát triển, sản xuất phải tựa vào thị trường. Và thị trường phải có bản tệ. Bởi vậy bản tệ là cái đầu tiên và cái cuối cùng cho đời sống sản xuất.

Một khi chúng ta chưa chịu thừa nhận vai trò khởi thủy của bản tệ trong nền kinh tế hàng hóa, thì thất bại sẽ là điều tất yếu. Đã quá rõ ràng để hiểu rằng: không thể chống lạm phát bằng việc chờ nền kinh tế phát triển đã. Mà phải có đối tác ngay chính đối với bản tệ. Kinh nghiệm thực tế đã minh chứng điều này. Đó là:

+ Nước Mỹ, nơi có nền kinh tế mạnh nhất nhì thế giới, nhưng lại đã từng phải chịu lạm phát trong một thời

gian khá dài.

+ Các nước tư bản phát triển, nơi luôn có nguy cơ khủng hoảng thừa hàng hóa, nhưng lạm phát bản tệ vẫn xảy ra tại các quốc gia này. Như vậy, không hoàn toàn do cung hàng hóa thấp hơn cầu gây ra lạm phát bản tệ. Nền đầu phải cứ tăng cung hàng hóa sẽ chống được lạm phát bản tệ. Suy cho cùng, việc tăng lượng hàng hóa để đáp ứng cầu thuộc biện pháp tăng trưởng kinh tế.

Thế là đã rõ. Vấn đề giải pháp chống lạm phát không chỉ tùy thuộc ở sức mạnh kinh tế. Và càng không thể loại trừ được lạm phát trong nền kinh tế hàng hóa phát triển, cho dù mạnh mẽ đến nhường nào đi nữa. Khi mà lạm phát (sụt giá, mất giá) vốn được sinh ra từ hàng hóa. Đã là hàng hóa tất phải có sự được giá hay mất giá, sụt giá. Đó là cái quy luật muôn đời của hàng hóa và nền sản xuất hàng hóa ♣

TỪ NGUYÊN THUẬT NGỮ KINH TẾ

HỒI PHIẾU

HỒI PHIẾU

4.1. Từ *Hồi* thường gặp trong các từ kép như *hối đoái*, *ngoại hối*, *hối suất*, *kiểu hối*, *hối phiếu*. *Hối* trong chữ Hán có nghĩa là:

- Nước chảy xoay vòng (*Hán - Việt Từ Điển*, Đào Duy nh, 1957, tr.387)

- Nước chảy quanh lại; chỗ các dòng nước đều chảy ào (*Hán Việt Từ Điển*, Thiệu Chửu, 1942, tr.66)

- *waters converging to one spot; whirling waters*: những dòng nước đổ dồn vào một chỗ; nước xoáy (*Mathews' Chinese - English Dictionary*, 1971, p.348, entry 2353)

Như vậy, *hối* bao hàm nghĩa lưu thông của nước, và từ nghĩa này *hối* được dùng trong việc giao dịch tiền tệ, lưu thông tiền tệ.

4.2. *Đoái* có nghĩa là *đổi*, *trao đổi* (*to exchange*). Việc đổi tiền nước này để lấy tiền nước khác gọi là *đổi hối*; cơ quan lo việc đổi ngoại tệ như vậy gọi là *đổi hối sở* (*the exchange*). Xem: Đào Duy Anh, tr.285; Thiệu Chửu, tr.40; Mathews, p.956, entry 6550.

Ở Sài Gòn trước 1975 không nói *đổi hối sở* mà gọi *sở hối đoái*.

4.3. Ngày nay ở Việt Nam bên cạnh từ *ngoại tệ* (*foreign currency*) còn có từ *ngoại hối*. Hai từ này được coi là đồng nghĩa. Thí dụ, *Từ điển Kinh tế thị trường từ A đến Z*, tr.168, giải thích: "Ngoại hối; Ngoại tệ: *Foreign exchange* - Tiền tệ bằng tiền tệ của một quốc gia khác. Thị trường ngoại hối hay thị trường tiền tệ là nơi mua bán ngoại tệ hay ngoại hối".

Cách giải thích này cũng giống với *Longman Dictionary of Business English*, của J.H.Adam, 1985. Theo đó:

- Ngoại tệ (*foreign currency*) là đồng tiền của một nước khác (p.135).

- *Foreign exchange* có hai nghĩa: (1) đồng tiền của một nước khác, tức là ngoại tệ (*the currency of a country other than one's own*, p.205); (2) việc đổi tiền nước này lấy tiền nước khác (*the exchanging of the currency of one country for that of another*, p.205).

Mathews (p.1036 entry 7001:35) cũng hiểu ngoại hối (*foreign exchange*) như là ngoại tệ (*foreign currency*), nên giảng ngoại hối đoái là *foreign exchange*.

Do hiểu ngoại hối và ngoại tệ đồng nghĩa, nên ngoài từ *the exchange* (sở hối đoái, đổi hối sở), người Anh còn có từ *foreign-exchange office*, hoặc là dùng luôn một từ mượn của người Pháp là *bureau de change*, và J.H. Adam (p.71) giảng nghĩa: "*an office or shop run by a dealer in foreign exchange, where the public may change foreign currencies into the local money and local money into foreign currencies*: một văn phòng hay cửa hàng của một người kinh doanh ngoại tệ hay ngoại hối, tại đây công chúng được phép đổi tiền tệ của các nước khác ra tiền trong nước và đổi tiền trong nước ra ngoại tệ.

4.4. Do hoàn cảnh xã hội phát sinh, những năm gần đây trong tiếng Việt lại có thêm từ *kiểu hối*, tức là ngoại hối do các Việt kiều (*overseas Vietnamese*, *Vietnamese nationals*) đem về hay gửi về nước.

4.5. *Hối suất* là một từ thông dụng ở Sài Gòn trước 1975, ngày nay thường dùng từ *tỷ giá ngoại hối* (*exchange rate, rate of exchange*) nghĩa là: "Giá trao đổi một loại tiền tệ này với một loại tiền tệ khác". (Trần Bá Tước, tr.230)

4.6. Trở lại với từ *hối phiếu* (*bill of exchange*). Qua các thuật ngữ dẫn trên, hình như từ *hối* mặc dù không có nghĩa gì là tiền nhưng đã được dùng để ám chỉ tiền. *Hối phiếu* (*draft, bill of exchange*) được định nghĩa: *A written order telling one person to pay a certain sum of money to a named person on demand or at a certain time in the future*: một lệnh bằng giấy trắng mực đen chỉ thị cho một người phải trả một số tiền nào đó cho một người được nêu đích danh theo yêu cầu hoặc vào một thời điểm nào đó trong tương lai (J.H. Adam, p.52). Khi hối phiếu được dùng giữa các nhà buôn với nhau nó còn được gọi tên là *thương phiếu* (*mercantile bill, commercial bill, trade bill, mercantile paper, commercial paper*).

LÊ ANH DŨNG